

Số: ~~1513~~/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại tờ trình số 138/TTr-KH&ĐT ngày 11/02/2015 và ý kiến của Sở Tư pháp tại văn bản số 248/STP-KSTTHC ngày 22/01/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 01 thủ tục hành chính mới ban hành, 01 thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã; UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC, Bộ Tư pháp;
- Thường trực: TU, HĐND TP;
- Chủ tịch UBND TP;
- Các PCT UBND TP;
- Website Chính phủ;
- VPUBTP: CVP, các PCVP, NC, KT, NN, TH, HCTC;
- Trung tâm Tin học Công báo TP;
- Cổng giao tiếp Điện tử Hà Nội;
- Lưu: VT, SKH&ĐT.



Nguyễn Văn Sửu

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)



PHÂN DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư:

STT	Tên thủ tục hành chính
Lĩnh vực đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn	
1	Cấp quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư:

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính ⁽²⁾
Lĩnh vực đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn			
1	T-HNO-203171-TT	Cấp, cấp đổi Giấy xác nhận ưu đãi, hỗ trợ đầu tư bổ sung cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 4/6/2010 của Chính phủ	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn; - Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ.

Thủ tục Cấp quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn.

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 và Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 gửi tới Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội.

Bước 2: Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và nhận đủ số bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT, gửi lấy ý kiến các cơ quan liên quan (Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT, các sở ngành liên quan đến từng khoản hỗ trợ cụ thể mà doanh nghiệp đề nghị).

Bước 3: Các sở ngành được tham vấn có ý kiến tham gia trong thời gian tối đa 05 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ và công văn xin ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Trường hợp có nhiều ý kiến khác nhau, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức họp thẩm tra trước khi trình Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Trường hợp dự án đã thực hiện trước ngày Nghị định số 210/2013/NĐ-CP có hiệu lực, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổ chức kiểm tra và lập biên bản kiểm tra thực tế các nội dung ưu đãi và hỗ trợ của doanh nghiệp trước khi trình ủy ban nhân dân thành phố theo quy định tại Điều 14 của Thông tư 05/2014/TT-BKHĐT.

Bước 4: Trên cơ sở ý kiến tham gia, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình UBND TP cấp Quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ.

Trường hợp sử dụng ngân sách Trung ương, Sở Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm tra hỗ trợ đối với dự án. Sau khi nhận được văn bản thẩm tra nguồn vốn hỗ trợ dự án của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình UBND TP cấp Quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn

Nếu từ chối toàn bộ hoặc một phần nội dung ưu đãi mà doanh nghiệp đề nghị, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản gửi nhà đầu tư nêu lý do.

Bước 5. UBND TP ban hành UBND TP cấp Quyết định hỗ trợ đầu tư cho dự án của doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ.

- **Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 16 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội) hoặc gửi theo đường bưu điện trong đó ghi rõ địa chỉ tiếp nhận hồ sơ là: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: 16 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội).

- Thành phần hồ sơ:

+ Bản đề nghị hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

+ Giấy chứng nhận đầu tư (nếu có), giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

Trường hợp dự án chưa được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, doanh nghiệp nộp kèm theo Giải trình kinh tế - kỹ thuật về: mục tiêu, quy mô, địa điểm đầu tư; vốn đầu tư; tiến độ thực

hiện dự án; nhu cầu sử dụng đất; giải pháp về công nghệ và giải pháp về môi trường;

+ Báo cáo tóm tắt tình hình và kết quả thực hiện dự án từ khi bắt đầu hoạt động đến thời điểm đề nghị ưu đãi, hỗ trợ đầu tư (đối với trường hợp dự án đầu tư đã triển khai).

- **Số lượng hồ sơ:** 08 bộ (trong đó có 01 bộ gốc, hồ sơ còn lại được đóng dấu giáp lai của doanh nghiệp thực hiện).

- **Thời hạn giải quyết:** Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ, và thời gian giải quyết tối đa là 15 ngày làm việc kể từ ngày Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi lấy ý kiến các cơ quan liên quan; Trường hợp phải xin ý kiến thẩm tra nguồn vốn từ ngân sách trung ương, thời hạn giải quyết tối đa không quá 30 ngày làm việc.

- **Cơ quan thực hiện:** UBND Thành phố Hà Nội; Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành liên quan của các tỉnh/thành phố.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** là tổ chức (Doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Nghị định số 210/2013/NĐ-CP).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn

- **Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí):** không có

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm):**

+ Bản đề nghị hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP;

+ Quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):** không có

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn;

Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

CÁC MẪU VĂN BẢN KÈM THEO

BẢN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CHO DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30 tháng 9 năm 2014
của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN DOANH NGHIỆP... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng năm

BẢN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CHO DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN (THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 210/2013/NĐ-CP NGÀY 19 THÁNG 12 NĂM 2013 CỦA CHÍNH PHỦ)

Kính gửi:.....

Doanh nghiệp: (tên doanh nghiệp)..... ;

Loại hình doanh nghiệp:..... (Theo Luật Doanh nghiệp..... ;

Ngành nghề kinh doanh:.....

Trụ sở chính:..... ;

Điện thoại:..... Fax..... ;

Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động/Giấy phép kinh
doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số..... do cấp ngày
..... tháng năm

I. Đăng ký thực hiện dự án với nội dung sau:

1. Tên Dự án:..... ;

2. Lĩnh vực đầu tư:..... ;

3. Địa điểm thực hiện Dự án:..... ;

4. Mục tiêu và quy mô của dự án:..... ;

5. Tổng vốn đầu tư của Dự án:..... ;

6. Diện tích đất dự kiến sử dụng:..... ;

7. Số lao động Dự án sử dụng bình quân trong năm:..... ;

8. Tiến độ thực hiện Dự án dự kiến:..... ;

9. Vùng nguyên liệu hiện có trên địa bàn..... (ha), dự kiến thu hoạch trong tháng, nguyên liệu dự trữ để chế biến..... (tháng) tổng số nguyên liệu đảm bảo.....tháng/năm.

10. Thời hạn hoạt động của nhà máy/cơ sở (nếu có): số giờ/ngày..... giờ; số ngày/năm.....ngày

II. Kiến nghị hưởng hỗ trợ đầu tư (theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ):

1. Khoảng cách hỗ trợ vận chuyển: từ..... đến....., tổng số là:.....km.
2. Công suất nhà máy...; dự kiến số ngày hoạt động trong năm....
3. Các khoản kiến nghị hưởng hỗ trợ đầu tư :

TT	Nội dung	Số tiền	Thời gian hỗ trợ (năm)	Ghi chú
1				
2				
...				

III. Cách tính các khoản kiến nghị hưởng hỗ trợ đầu tư:

IV. Doanh nghiệp cam kết: Nội dung hồ sơ đầu tư

1. Về tính chính xác của những thông tin trên đây;
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

....., ngày ...tháng.....năm.....

**Chức danh người đại diện Doanh nghiệp
(ký tên - đóng dấu)**

Nơi nhận:

Hồ sơ kèm theo:

- Ghi chú: Đối với dự án đã triển khai thực hiện trước thời điểm Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ có hiệu lực, phân kiến nghị ưu đãi, hỗ trợ đầu tư nêu tại Mục II cho thời hạn hoạt động còn lại của Dự án (nếu có).

QUYẾT ĐỊNH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CHO DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN (THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 210/2013/NĐ-CP NGÀY 19 THÁNG 12 NĂM 2013 CỦA CHÍNH PHỦ)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30 tháng 9 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ...

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003

Căn cứ Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Thông tư của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Thông tư số... của Bộ Tài Chính; Thông tư số... của Bộ Nông nghiệp và PTNT...

Căn cứ Báo cáo thẩm tra của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số, ngày..... tháng năm

Căn cứ...

Xét đề nghị ưu đãi, hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn của..... (tên doanh nghiệp):

QUYẾT ĐỊNH

Doanh nghiệp: *(tên doanh nghiệp)*.....

Loại hình doanh nghiệp:.....

Trụ sở chính:.....

Điện thoại: Fax.....

Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động/Giấy phép kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số do cấp ngày tháng..... năm.....

Điều 1. Có dự án đầu tư:

- Tên Dự án:

Là Dự án nông nghiệp:.....(đặc biệt ưu đãi đầu tư/ưu đãi đầu tư/khuyến khích đầu tư)

- Lĩnh vực đầu tư:.....
- Địa điểm thực hiện:.....
- Mục tiêu và quy mô của Dự án:..... công suất nhà máy (theo dự án).....
- Tổng số vốn đầu tư của Dự án:.....
- Diện tích đất dự kiến sử dụng:.....
- Vùng nguyên liệu hiện có trên địa bàn... (ha), địa điểm xã huyện..., dự kiến phát triển thêm ... ha; nguyên liệu đảm bảo nhà máy hoạt động ...tháng/năm (áp dụng đối với các dự án chế biến nông lâm thủy sản).
- Số lao động Dự án sử dụng bình quân trong năm:.....
- Tiến độ thực hiện Dự án dự kiến:.....
- Thời hạn hoạt động của Dự án:.....

Điều 2. Các khoản hỗ trợ

1. Khoảng cách hỗ trợ vận chuyển sản phẩm nếu có 9km)
- 2 Thời gian sản xuất nhà máy/cơ sở (nếu có) số giờ/ngày.... giờ; số ngày/năm.... ngày;
3. Các khoản hỗ trợ đầu tư: (Chỉ ghi các hỗ trợ Doanh nghiệp được hưởng)

TT	Nội dung	Số tiền hỗ trợ			Thời gian dự kiến hỗ trợ (năm)	Ghi chú
		NSTW	NSDP	Khác		
1						
2						
...						

4. Khoản hỗ trợ đồng này cho doanh nghiệp được Nhà nước bảo lãnh theo quy định tại điểm đ, khoản 2, Điều 17 của Nghị định số 210/2013/NĐ-CP.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Nhà đầu tư (tên doanh nghiệp), các cơ quan đơn vị, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

Điều 4. Quyết định ưu đãi, hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ) được cấp cho doanh nghiệp 02 bản chính, các cơ quan liên quan mỗi cơ quan giữ 01 bản.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

(ký tên, đóng dấu)